

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày 13-8-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Hữu An

Ông Vy Thiện Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐHPT-HSST, ngày 05/8/2025 đối với các bị cáo:

1. **Nông Văn C.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 27/3/1985; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nay là thôn H, xã T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt; con ông: Nông Văn D, sinh năm 1968; con bà: Nông Thị C, sinh năm 1966; vợ: Nông Thị N, sinh năm 1985 (hiện đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2024 đến ngày 27/6/2024 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Hoàng Thị H.** Tên gọi khác: Không; sinh ngày 08/8/1982; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nay là thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức Địa chính xã; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt; con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1959; con bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1958; chồng: Hoàng Văn Đ, sinh năm 1982; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2024. Có mặt.

3. **Hoàng Văn B.** Tên gọi khác: Không; sinh ngày 17/01/1978; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nay là thôn H, xã V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1949; con bà Hoàng Thị K, sinh năm 1951 (hiện đều đã chết); vợ: Hoàng Thị H1, sinh năm 1977; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2024. Có mặt.

4. **Nguyễn Thị C.** Tên gọi khác: Không; sinh ngày 14/10/1987; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nay là thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình K, sinh năm 1960; con bà: Hoàng Thị Đ, sinh năm 1962; chồng: Hoàng Văn T, sinh năm 1991; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2024 đến ngày 30/9/2024 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị C:* Bà Lương Thị Hương L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Đình T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ – Trưởng phòng kinh tế xã T, tỉnh Lạng Sơn (*Theo văn bản ủy quyền số 01/UQ-UBND ngày 04/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban dân xã T, tỉnh Lạng Sơn*). Có mặt.

2. Bà Nông Thị N, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Hữu Nhất, xã Tri Lễ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Hoàng Văn H1, sinh năm 1979, vắng mặt.
2. Hoàng Văn H, sinh năm 1965, vắng mặt.
3. Phùng Văn M, sinh năm 1964, vắng mặt.
4. Hoàng Văn Q, sinh năm 1961, vắng mặt.
5. Hoàng Văn T, sinh năm 1963, vắng mặt.
6. Hoàng Văn H3, sinh năm 1968, vắng mặt.
7. Nông Thị T, sinh năm 1963, vắng mặt.
8. Hoàng Văn N, sinh năm 1976, vắng mặt.
9. Hoàng Văn Đ, sinh năm 1982, có mặt.

10. Nông Văn C2, sinh năm 1987, có mặt.
11. Nông Văn N, sinh năm 1981, vắng mặt.
12. Hoàng Thế V, sinh năm 1956, vắng mặt.
13. Hoàng Văn Q, sinh năm 1959, vắng mặt.
14. Đàm Thị N, sinh năm 1989, vắng mặt.
15. Hoàng Văn H4, sinh năm 1971, vắng mặt.
16. Bé Khắc Đ, sinh năm 1979, vắng mặt.
17. Đàm Văn C, sinh năm 1960, vắng mặt.
18. Lô Văn N, sinh năm 1971, vắng mặt.
19. Phùng Văn H, sinh năm 1984, vắng mặt.
20. Nông Văn T, sinh năm 1982, có mặt.
21. Nông Văn B, sinh năm 1970, có mặt.
22. Lê Minh K, sinh năm 1955, có mặt.
23. Lê Văn B, sinh năm 1960, vắng mặt.
24. Lê Văn T, sinh năm 1974, vắng mặt.
25. Hoàng Văn D, sinh năm 1977, vắng mặt.
26. Lê Văn S, sinh năm 1986, có mặt.
27. Nông Văn C3, sinh năm 1964, vắng mặt.
28. Hoàng Văn L, sinh năm 1989, vắng mặt.
29. Hoàng Văn Đ, sinh năm 1972, có mặt.
30. Hoàng Văn A, sinh năm 1961, có mặt.
31. Hoàng Văn X, sinh năm 1985, vắng mặt.
32. Hoàng Văn C, sinh năm 1988, vắng mặt.
33. Hoàng Văn T, sinh năm 1969, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V ban hành Quyết định số 356/QĐ-UBND, ngày 12/3/2015 thành lập Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan thường trực, giúp Ban Chỉ đạo huyện xây dựng các kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn, giám sát chương trình nông thôn mới; theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình về thực hiện chương trình trên địa bàn huyện; chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Ban chỉ đạo huyện và các báo cáo theo yêu cầu của Trưởng ban chỉ đạo; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về

Chương trình nông thôn mới trên địa bàn huyện; thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND huyện quy định.

Ngày 27/7/2015 UBND huyện V ban hành Thông báo số 23/TB-VPĐP, về phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Văn phòng điều phối gồm: Lương Đình B - Phó Chủ tịch UBND huyện từ năm 2009 đến tháng 5/2018, (hiện đã nghỉ hưu) làm Chánh Văn phòng có trách nhiệm chỉ đạo chung các hoạt động của Văn phòng điều phối; Nguyễn Văn S - Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (từ năm 2015 đến tháng 02/2020), hiện là Chánh Văn phòng Huyện ủy V) có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan đơn vị, chỉ đạo Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới các xã thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, theo nhiệm vụ đã được Ban Chỉ đạo huyện phân công phụ trách; theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị trong huyện và theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới ở các xã trên địa bàn huyện; trực tiếp chỉ đạo các xã thực hiện các tiêu chí số 13 là tiêu chí “*hình thức tổ chức sản xuất*”; Hoàng Thị D, Nông Văn T - Chuyên viên phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện có nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; 01 Phó Chánh Văn phòng và 05 cán bộ thuộc phòng Tài chính - kế hoạch, phòng Kinh tế - hạ tầng, phòng Tài nguyên - môi trường, phòng Giáo dục - đào tạo, phòng Lao động, thương binh và Xã hội là cán bộ kiêm nhiệm của Văn phòng điều phối, những người này không có nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc thực hiện dự án trồng cây quýt Bắc Sơn của UBND xã H, huyện V.

Năm 2015, UBND xã H, huyện V thành lập Ban Quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020, gồm:

- Nông Văn C (Chủ tịch UBND xã từ tháng 5/2015 đến tháng 5/2020, thời điểm bị khởi tố là Chủ tịch Hội Nông dân xã T, huyện V, hiện đang bị đình chỉ công tác) là Trưởng ban;

- Nông Văn Q (Phó Chủ tịch UBND xã từ năm 2011 đến năm 2021, hiện là Chủ tịch Hội Nông dân xã H) là Phó Trưởng ban;

- Hoàng Văn B (Kế toán UBND xã, hiện là Kế toán UBND xã T, huyện V) là thành viên;

- Hoàng Thị H (Công chức nông lâm UBND xã) là thành viên và một số thành viên khác, tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên không thu thập được thông tin của các thành viên.

Ban quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã H được sử dụng con dấu của UBND xã H, huyện V để giao dịch, kinh phí hoạt động được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Ban Quản lý có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất với Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới huyện V.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, xã H được lựa chọn về đích nông thôn mới, để đạt được các tiêu chí thì xã phải xây dựng các dự án hỗ trợ người dân trong

phát triển kinh tế hộ gia đình, nâng cao và cải thiện đời sống của người dân. Các dự án được thực hiện bằng nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tại Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND huyện V, về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016 thì xã H được phân bổ số tiền là 350.000.000 đồng, trích từ nguồn ngân sách nhà nước và được giao là chủ đầu tư dự án. Nông Văn C đã ký ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND về việc phân bổ dự toán vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016 và đã triển khai thực hiện dự án trồng cây dong riềng, cung cấp phân bón. Việc cấp phát phân bón vi sinh được thực hiện vào cuối tháng 5/2016, cấp phát giống cây dong riềng vào tháng 6/2016. Đến tháng 7/2016, sau khi thực hiện dự án cây dong riềng và phân bón thấy còn thừa vốn, nên Nông Văn C đã xin ý kiến của Nguyễn Văn S - Phó Chánh văn phòng điều phối xây dựng thêm dự án trồng cây quýt Bắc Sơn để sử dụng hết số vốn được phân bổ.

Khi được Nguyễn Văn S đồng ý, Nông Văn C đã chỉ đạo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B bổ sung dự án trồng cây quýt Bắc Sơn. Do các dự án hỗ trợ sản xuất phải thực hiện ngay sau khi UBND huyện V ban hành Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 16/3/2016, nên H đã xây dựng Dự án số 07a/DA-UBND ngày 21/3/2016, trong đó có 03 danh mục thực hiện gồm: (1) Trồng cây dong riềng, diện tích 10,6 ha, kinh phí là 156.000.000 đồng; (2) Trồng cây quýt Bắc Sơn, diện tích là 7,6 ha, kinh phí cây giống là 116.400.000 đồng; (3) Phân bón vi sinh, số lượng 15.520kg, kinh phí là 77.600.000 đồng.

Trên cơ sở Dự án số 07a/DA-UBND của UBND xã H, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện V đã thực hiện thẩm định và trình UBND huyện V phê duyệt Dự án tại Quyết định số 1462b/QĐ-UBND ngày 12/4/2016.

Thực hiện Quyết định của UBND huyện, Chủ tịch UBND xã H (Nông Văn C) đã ký ban hành Quyết định số 43b/QĐ-UBND ngày 18/4/2016 về việc phê duyệt đầu tư thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới và Quyết định số 43c/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 về việc thành lập nhóm hộ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới xã H năm 2016, đồng thời chỉ định nhà thầu, ký hợp đồng cung cấp cây giống quýt Bắc Sơn. Đến tháng 8/2016, do đang vào mùa khô, không có nước tưới tiêu, cây trồng sẽ khó sinh trưởng (thời điểm thuận lợi để trồng cây là vào mùa xuân đầu năm sau) nên Nông Văn C đã chỉ đạo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B lập không hồ sơ của dự án trồng quýt, mục đích để thanh quyết toán số tiền ngân sách cấp. Hoàng Văn B đã trực tiếp liên hệ với chủ vườn ươm Nguyễn Thị C và trực tiếp soạn thảo một số văn bản, tự điền số (không có trong sổ công văn của xã), Hồ sơ gồm: (1) Quyết định 76/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 về việc phê duyệt chỉ định thầu cung ứng giống cây quýt Bắc Sơn, đơn vị thầu được chỉ định là vườn ươm tư nhân Nguyễn Thị C có địa chỉ tại phố T 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, mã số thuế 4900765506, với hình thức trọn gói thầu là 116.400.000 đồng; (2) Hợp đồng số 68/HĐ-MB ngày 14/5/2016 về mua bán giống cây quýt Bắc Sơn thuộc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016; (3) Quyết định số 43b/QĐ-UBND, Quyết định số

43c/QĐ-UBND đã nêu ở trên; (4) Tờ trình số 75/TTr-BQL ngày 05/9/2016, về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cung ứng giống cây quýt Bắc Sơn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016; (5) Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 08/9/2016, về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cung cấp giống cây quýt Bắc Sơn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016.

Nông Văn C đã trực tiếp ký các văn bản, quyết định nghiệm thu và thủ tục thanh quyết toán dự án trồng cây quýt Bắc Sơn tại 05 thôn (Đ, B, R, N, S) thuộc xã H với 29 hộ dân tham gia dự án và chỉ đạo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B lập hồ sơ thanh quyết toán dự án tại Kho bạc Nhà nước V, sau đó đến đầu năm 2017 sẽ yêu cầu nhà thầu (Chủ vườn ươm Nguyễn Thị C) giao cây quýt giống để UBND xã cấp phát cho các hộ dân. Nhưng do thực hiện cùng lúc nhiều dự án nên C, H, B đã bỏ quên dự án quýt Bắc Sơn, không yêu cầu C giao cây giống để cấp phát cho 29 hộ dân trên địa bàn xã, Nguyễn Thị C cũng quên không giao cây giống cho UBND xã. Đến nay Nguyễn Thị C vẫn chưa giao 4.477 cây giống quýt Bắc Sơn cho UBND xã H.

Sau khi hoàn thành các giấy tờ trong hồ sơ quyết toán gồm: (1) Biên bản nghiệm thu giao nhận cây giống quýt Bắc Sơn chương trình nông thôn mới 2016; (2) Biên bản đối chiếu giao nhận giống cây quýt Bắc Sơn; (3) Bảng giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán, B đưa cho C, H và C ký. Các văn bản này đều thể hiện ngày 25/8/2016 Nguyễn Thị C đã chuyển cho UBND xã H 4.477 cây quýt, đại diện bên nhận là Hoàng Thị H và chữ ký xác nhận của Nông Văn C. Trên thực tế không có việc giao, nhận cây nhưng C vẫn ký xác nhận vào biên bản để giúp UBND xã H hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán dự án (C, B, H và C đều biết rõ việc này).

Hoàng Thị H đã tham mưu thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất, chịu trách nhiệm nhận và cấp phát cây giống của dự án, H đã soạn thảo Dự án 07a/DA-UBND ngày 21/3/2016; thuyết minh dự án; tờ trình về việc phê duyệt vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016; danh sách các hộ nhận cây quýt cấp ngày 25/8/2016 của từng thôn, sau đó H đưa danh sách cho 05 trưởng thôn để cho 29 hộ dân ký xác nhận đã nhận được cây quýt giống, cụ thể:

(1) Thôn Đ (nay là thôn H) do ông Hoàng Văn T (sinh năm 1963) làm trưởng thôn. Thôn gồm 08 hộ: Nông Văn C1, Nông Văn N, Hoàng Thị T, Hoàng Văn Q, Đàm Thị N, Hoàng Văn H4, Bế Khắc Đ, Đàm Văn C;

(2) Thôn B do ông Hoàng Văn H1 (sinh năm 1979) làm trưởng thôn. Thôn gồm 04 hộ: Hoàng Văn H3, Hoàng Thanh C, Hoàng Văn N, Hoàng Văn Đ;

(3) Thôn R do ông Hoàng Văn H2 (sinh năm 1965) làm trưởng thôn. Thôn gồm 09 hộ: Nông Văn T, Nông Văn B, Lê Minh K, Lê Văn B, Lê Văn T, Hoàng Văn H2, Hoàng Văn D, Lê Văn S, Nông Văn C3;

(4) Thôn N (nay là thôn H) do ông Phùng Văn M (sinh năm 1964) làm trưởng thôn. Thôn gồm 02 hộ: Lô Văn N, Phùng Văn H;

(5) Thôn S do ông Hoàng Văn Q (sinh năm 1961) làm trưởng thôn. Thôn gồm 06 hộ: Hoàng Văn L, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn A, Hoàng Văn X, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T.

Khi đã thu thập đủ chữ ký của các hộ dân do các Trưởng thôn đưa, H chuyển toàn bộ danh sách ký nhận cho Hoàng Văn B làm thủ tục quyết toán dự án và chuyển hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước V đề nghị thanh toán số tiền 116.400.000 đồng từ ngân sách nhà nước vào tài khoản số 84092050019887 mang tên Nguyễn Thị C tại Ngân hàng Agribank huyện V. Ngày 26/9/2016, Kho bạc Nhà nước V đã chuyển 116.400.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Thị C. Ngày 04/10/2016, Canh đã đến Ngân hàng Agribank huyện V để rút số tiền trên và đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân như thanh toán tiền giống, tiền chi phí của vườn ươm... nhưng không xuất trình được các chứng từ có liên quan. Sau khi rút tiền từ Ngân hàng C không được đưa tiền cho ai.

Ông Hoàng Văn T (Trưởng thôn Đ), ông Hoàng Văn H1 (Trưởng thôn B), ông Hoàng Văn H2 (Trưởng thôn R), ông Phùng Văn M (Trưởng thôn N) và ông Hoàng Văn Q (Trưởng thôn S) đều khẳng định được ký vào giấy biên giao, nhận cây nhưng thực tế không được nhận giống cây quýt.

Xác minh thực địa tại 29 hộ dân tại 05 thôn thuộc xã H có tên trong dự án trồng cây quýt Bắc Sơn thấy rằng: Các hộ dân đều khẳng định không được nhận cây quýt từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (nông thôn mới) năm 2016, không được trồng quýt trên đất của gia đình hoặc có trồng quýt nhưng được cấp từ dự án khác, có gia đình tự mua giống cây quýt về trồng, cụ thể:

(1) Thôn Đ (nay là thôn H) hộ Nông Văn C1 có 209 cây quýt được cấp giống từ dự án khác; hộ Nông Văn N có 08 cây quýt, chỉ nhớ nhận cây giống sau khoảng một năm nhận cây dong riêng; hộ Hoàng Văn Q đất bỏ hoang từ khoảng 10 năm trước, không trồng cây gì; các hộ Hoàng Văn Q, Hoàng Văn H4, Bé Khắc Đ, Đàm Văn C không trồng cây quýt trên đất, hộ Đàm Thị N, Hoàng Thị T không đứng tên thửa đất nào trên địa bàn xã H.

(2) Thôn B: hộ Hoàng Văn H3 thửa đất mang tên bố, trên đất trồng 20 cây quýt tự mua cây giống về trồng; hộ Hoàng Thanh C được thừa kế quản lý, sử dụng đất từ cha ông nhưng không trồng cây quýt; hộ Hoàng Văn N có trồng 16 cây quýt nhưng được cung cấp cây giống từ dự án khác; hộ Hoàng Văn Đ trồng có 02 cây quýt được trồng từ dự án năm 2018.

(3) Thôn R: hộ Nông Văn T trên đất trồng 100 cây quýt được cấp từ dự án khác; các hộ Nông Văn C3, Nông Văn B trồng một số cây quýt từ dự án khác; các hộ Lê Minh K, Lê Văn T, Hoàng Văn H2 trên đất không trồng cây quýt; hộ Lê Văn B có khoảng 20 đến 30 cây quýt nhưng được trồng từ 20 đến 30 năm trước; hộ Lê Văn S và Hoàng Văn D không có đất tại địa danh như trong danh sách nhận cây quýt.

(4) Thôn N (nay là thôn H): hộ Lô Văn N trên đất không có cây quýt; Phùng Văn H không đứng tên thửa đất nào trên địa bàn xã H.

(5) Thôn S: các hộ Hoàng Văn L, Hoàng Văn A, Hoàng Văn T, Hoàng Văn X trên đất không trồng cây quýt; hộ Hoàng Văn C có khoảng 09 cây quýt gia đình tự mua về trồng. Hộ Hoàng Văn Đ không có đất tại địa danh như trong danh sách nhận cây quýt.

Quá trình thực hiện dự án trồng cây quýt Bắc Sơn, UBND xã H không có báo cáo riêng tiến độ thực hiện dự án gửi Văn phòng điều phối, mà UBND xã đã báo cáo lồng ghép với Báo cáo số 92/BC-UBND ngày 13/9/2016 về công tác tháng 9, nhiệm vụ trọng tâm công tác tháng 10 năm 2016; Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 14/9/2016 về tình hình thực hiện công tác quý III, nhiệm vụ trọng tâm công tác quý IV năm 2016 và Báo cáo số 94/BC-UBND ngày 15/9/2016 về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2016. Ngoài ra, tại Sổ công văn đi năm 2016 của UBND xã H có thể hiện việc xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra số 53/KH-UBND ngày 29/8/2016 về kiểm tra diện tích vốn phát triển sản xuất của chương trình 135 và vốn chương trình nông thôn mới, nhưng không tìm thấy kế hoạch số 53/KH-UBND tại bộ phận lưu trữ của xã.

Tại Kết luận giám định số 1183/KL-KTHS ngày 27/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn về chữ ký của 28 hộ dân trong danh sách nhận cây giống quýt Bắc Sơn (có 01 hộ dân người ký danh sách đã chết nên không giám định được), kết luận:

(1) Các chữ ký dạng chữ viết mang tên “T”; “B”; “K”; “T”; “D”; “S”; “C3”; “L”; “Đ”; “A”; “T”; “Q”; “C” và chữ viết họ tên mang tên “Hoàng Văn H3”; “Hoàng Thanh C”; “Hoàng Văn N”; “Hoàng Văn Đ” dưới mục “ký nhận” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh của Nông Văn T, Nông Văn B, Lê Minh K, Lê Văn T, Hoàng Văn D, Lê Văn S, Nông Văn C3, Hoàng Văn L, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn A, Hoàng Văn T, Hoàng Văn Q, Đàm Văn C, Hoàng Văn H3, Hoàng Thanh C, Hoàng Văn N, Hoàng Văn Đ không phải do cùng một người viết ra.

(2) Các chữ ký dạng chữ viết mang tên “B”; “C”; “C”; “N”; “Đ”; “N” và chữ ký của Hoàng Văn H2 tại dòng 6 dưới mục “ký nhận” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn B, Nông Văn C4, Nông Văn C2, Nông Văn N, Bé Khắc Đ, Chu Thị E, Hoàng Văn H2 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

(3) Không đủ cơ sở kết luận các chữ ký dạng chữ viết mang tên “X”; “N”; “H” và chữ ký của Phùng Văn H tại dòng 2 dưới mục ký nhận trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn X, Đàm Thị N, Hoàng Văn H4 và Phùng Văn H trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Nông Văn C, chỗ ở của Nguyễn Thị C, Hoàng Thị H, Hoàng Văn Đ

(cán bộ Văn phòng Đảng ủy xã H) thu giữ một số tài liệu, đồ vật. Tuy nhiên các tài liệu, đồ vật không có nội dung liên quan đến vụ án. Ngày 29/9/2024, 12/3/2024 Cơ quan điều tra đã trả lại các tài liệu, đồ vật cho bị cáo và người liên quan.

Vật chứng, đồ vật đã thu giữ chưa xử lý: 01 điện thoại di động cũ, đã qua sử dụng, nhãn hiệu OPPO A77 5G của Nguyễn Thị C.

Ngày 07/02/2024, Nông Văn C đã tác động gia đình và cùng Hoàng Văn B nộp 116.400.000 đồng vào Kho bạc Nhà nước huyện V để khắc phục hậu quả. Ngày 18/4/2025, các bị cáo đã thỏa thuận cùng chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả, mỗi người 29.100.000 đồng, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị H đã trả lại 29.100.000 đồng cho Nông Văn C, Hoàng Văn B. Đến ngày 31/7/2025 Nguyễn Thị C đã hoàn trả cho các bị cáo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B mỗi người 29.100.000 đồng, riêng bị cáo Nông Văn C thì Canh đã đến nhà để hoàn trả số tiền này nhưng Nông Văn C chưa nhận tiền.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 22/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn) đã truy tố các bị cáo Nông Văn C, Hoàng Thị H, Hoàng Văn B, Nguyễn Thị C, về tội *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*, quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng và đề nghị:

- Về hình phạt chính: Đề nghị tuyên các bị cáo Nông Văn C, Hoàng Thị H, Hoàng Văn B, Nguyễn Thị C phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 42 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 356 đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo Nông Văn C từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; xử phạt các bị cáo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B, Nguyễn Thị C mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77 5G. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 116.400.000 đồng tại Kho bạc Nhà nước Văn Quan nay là Phòng giao dịch số 09, Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Lạng Sơn.

- Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị H và Nguyễn Thị C được miễn án phí vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, các bị cáo Nông Văn C, Hoàng Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phần tranh luận, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị C nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố và đề nghị xem xét nguyên nhân bị cáo phạm tội vì bản thân Nguyễn Thị C không có chuyên môn, không có kiến thức làm việc, cũng như các kỹ năng nhận biết và xử lý văn bản, hợp đồng để cung cấp cây giống cho các tổ chức... nhận thức về pháp luật hạn chế, do chủ quan và suy nghĩ đơn giản là tạo điều kiện ký, hoàn thiện văn bản cung ứng cây giống cho Ủy ban nhân dân xã H trước rồi sau đó sẽ cung cấp cây giống sau, nên Nguyễn Thị C đã thực hiện ký nhận các văn bản, chứng từ...Đề nghị áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thị C nhất trí với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến tranh luận gì khác.

Tại phần tranh luận, bị cáo Nông Văn C đề nghị xem xét hành vi của bị cáo không có mục đích trục lợi cho bản thân mà chỉ muốn giữ lại nguồn vốn để phát triển kinh tế cho địa phương, tuy nhiên do thiếu kinh nghiệm, kiểm soát công việc chưa chặt chẽ, do nhiều dự án chồng chéo nên bị cáo đã bỏ quên dự án trồng cây quýt Bắc Sơn, không yêu cầu nhà vườn giao cây và dẫn đến vi phạm; trong quá trình công tác có nhiều thành tích, có nhiều cống hiến cho địa phương; việc bị cáo chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện lập hồ sơ cũng đã được sự đồng ý của anh Nguyễn Văn S chứ không phải bị cáo tự ý chỉ đạo. Vì vậy, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng các bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng nhưng đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra, phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt là phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nông Văn C, Hoàng Thị H, Hoàng Văn B đều là những người có chức vụ, quyền hạn, trong đó Nông Văn C là Chủ tịch, Hoàng Thị H là cán bộ nông lâm và Hoàng Văn B là kế toán công tác tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V (cũ). Tuy nhiên, năm 2016 sau khi được phân bổ vốn với số tiền 350.000.000 đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước và được giao là chủ đầu tư dự án, các bị cáo đã có hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ dẫn đến làm thất thoát của Nhà nước số tiền 116.400.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị C tuy không có chức vụ, quyền hạn, không thi hành công vụ, nhưng đã đồng phạm với các bị cáo khác trong việc ký không hồ sơ thanh quyết toán và nhận số tiền 116.400.000 đồng. Cụ thể:

[4] Đối với Nông Văn C: Sau khi được phân bổ vốn và đã triển khai thực hiện một số dự án như trồng cây dong riềng, cung cấp phân bón...Do số tiền được cấp còn dư, nên Nông Văn C đã xin thêm dự án trồng cây quýt Bắc Sơn để sử dụng hết số vốn được phân bổ. Nông Văn C đã chỉ đạo Hoàng Thị H xây dựng Dự án số 07a/DA-UBND ngày 21/3/2016 để bổ sung thêm danh mục trồng cây quýt Bắc Sơn, diện tích là 7,6 ha, kinh phí cây giống là 116.400.000 đồng. Sau khi được UBND huyện V phê duyệt dự án, Nông Văn C đã ký ban hành Quyết định số 43b/QĐ-UBND ngày 18/4/2016 về việc phê duyệt đầu tư thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới và Quyết định số 43c/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 về việc thành lập nhóm hộ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới xã H năm 2016, đồng thời chỉ định nhà thầu, ký hợp đồng cung cấp cây giống quýt Bắc Sơn. Nông Văn C đã chỉ đạo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B lập không hồ sơ của dự án trồng quýt, mục đích để thanh quyết toán số tiền ngân sách cấp và trực tiếp ký các văn bản, quyết định nghiệm thu và thủ tục thanh quyết toán dự án trồng cây quýt Bắc Sơn tại 05 thôn (Đ, B, R, N, S) thuộc xã H với 29 hộ dân tham gia dự án và chỉ đạo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B lập hồ sơ thanh quyết toán dự án tại Kho bạc Nhà nước Văn Quan. Tuy nhiên, trên thực tế không có việc bàn giao cây giống cho các hộ dân như hồ sơ các bị cáo đã lập để quyết toán, làm thất thoát ngân sách Nhà nước số tiền 116.400.000 đồng.

[5] Đối với Hoàng Thị H mặc dù biết rõ ý kiến chỉ đạo của Nông Văn C về việc lập không hồ sơ để thanh quyết toán số tiền 116.400.000 đồng là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Cụ thể: Bị cáo đã tham mưu thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất, chịu trách nhiệm nhận và cấp phát cây giống của dự án, Hoàng Thị H đã soạn thảo Dự án 07a/DA-UBND ngày 21/3/2016; thuyết minh dự án; tờ trình về việc phê duyệt vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016; danh

sách các hộ nhận cây quýt cấp ngày 25/8/2016 của từng thôn, sau đó Hoàng Thị H đưa danh sách cho 05 trưởng thôn để cho 29 hộ dân ký xác nhận đã nhận được cây quýt giống. Tuy nhiên, chỉ có một số chữ ký của hộ dân là đúng, còn lại đều do Hoàng Thị H tự ký không vào danh sách để hoàn thiện hồ sơ và chuyển cho Hoàng Văn B làm thủ tục quyết toán dự án và chuyển hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước V đề nghị thanh toán số tiền 116.400.000 đồng từ ngân sách nhà nước.

[6] Đối với Hoàng Văn B là người đã trực tiếp liên hệ với chủ vườn ươm Nguyễn Thị C và trực tiếp soạn thảo một số văn bản, tự điền số (không có trong sổ công văn của xã), để hoàn thiện hồ sơ gồm: (1) Quyết định 76/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 về việc phê duyệt chỉ định thầu cung ứng giống cây quýt Bắc Sơn, đơn vị thầu được chỉ định là vườn ươm tư nhân Nguyễn Thị C, với hình thức trọn gói thầu là 116.400.000 đồng; (2) Hợp đồng số 68/HĐ-MB ngày 14/5/2016 về mua bán giống cây quýt Bắc Sơn thuộc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016; (3) Quyết định số 43b/QĐ-UBND, Quyết định số 43c/QĐ-UBND; (4) Tờ trình số 75/TTr-BQL ngày 05/9/2016, về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cung ứng giống cây quýt Bắc Sơn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016; (5) Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 08/9/2016, về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cung cấp giống cây quýt Bắc Sơn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016. Bị cáo là người trực tiếp làm thủ tục quyết toán dự án và chuyển hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước V đề nghị thanh toán số tiền 116.400.000 đồng từ ngân sách nhà nước.

[7] Đối với Nguyễn Thị C, tuy không có chức vụ, quyền hạn và cũng không phải là người thi hành công vụ, bị cáo cũng biết rõ biên bản lập ngày 25/8/2016 thể hiện bị cáo Nguyễn Thị C đã chuyển cho Ủy ban nhân dân xã H 4.477 cây quýt, đại diện bên nhận là Hoàng Thị H và chữ ký xác nhận của Nông Văn C, nhưng trên thực tế không có việc giao, nhận cây nhưng Nguyễn Thị C vẫn ký xác nhận vào biên bản để giúp Ủy ban nhân dân xã H hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán dự án. Sau khi được chuyển khoản số tiền 116.400.000 đồng vào tài khoản, bị cáo không giao cây và cũng không chuyển hoàn lại tiền cho Ủy ban nhân dân xã H. Do vậy, bị cáo Nguyễn Thị C đồng phạm với các bị cáo khác với vai trò giúp sức và cũng là người thực hành ký không hồ sơ.

[8] Bởi phân tích trên, thấy rằng cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, làm giảm uy tín của cơ quan Nhà nước, làm giảm lòng tin của nhân dân vào đường lối, chính sách của Nhà nước và vi phạm pháp luật hình sự. Do đó cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Để cá thể hóa hình phạt và áp dụng mức hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi

phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò, mức độ tham gia tội phạm và nhân thân của từng bị cáo như sau:

[9] Vụ án có sự đồng phạm giữa các bị cáo với nhau khi thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo Nông Văn C là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H có chức vụ, quyền hạn cao nhất trong số các bị cáo, đã chỉ đạo các bị cáo khác lập không hồ sơ mục đích để thanh quyết toán số tiền ngân sách cấp và trực tiếp ký các văn bản, quyết định nghiệm thu và thủ tục thanh quyết toán dự án trồng cây quýt Bắc Sơn tại 05 thôn, xã H, do vậy xác định bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Hoàng Thị H là cán bộ nông lâm, tích cực trong việc soạn thảo các văn bản, làm không các văn bản, biên bản, giả mạo chữ ký của các hộ dân để hoàn thiện hồ sơ. Bị cáo Hoàng Văn B tích cực trong việc làm không hồ sơ, trực tiếp liên hệ với nhà vườn và là người làm thủ tục thanh quyết toán để rút tiền từ ngân sách Nhà nước. Bị cáo Nguyễn Thị C tuy không có chức vụ quyền hạn, không phải là người thi hành công vụ biết rõ là ký không hồ sơ nhưng vẫn cố tình thực hiện, sau khi nhận được tiền bị cáo cũng không giao cây, cũng không chuyển trả lại số tiền đã nhận, quá trình điều tra còn khai báo quanh co gây khó khăn có công tác điều tra, truy tố.

[10] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên có nhân thân tốt. Bị cáo Nông Văn C được hưởng điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là người phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong công tác. Bị cáo Hoàng Thị H được hưởng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là người phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có thành tích trong công tác. Bị cáo Hoàng Văn B được hưởng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là người phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích trong công tác và có bố đẻ được Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Bị cáo Nguyễn Thị C được hưởng các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là người phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về hình phạt: Đối với bị cáo Nông Văn C là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phải hiểu rõ các quy trình, quy định về việc triển khai thực hiện các dự án, nhưng bị cáo trực tiếp chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cho rằng mình không phải người chủ mưu mà do Nguyễn Văn Sáng là người chỉ đạo. Tuy nhiên, chỉ có căn cứ chứng minh Nguyễn Văn Sáng đồng ý cho thực hiện bổ sung dự án trồng quýt Bắc Sơn, còn việc triển khai thực hiện là do bị cáo trực tiếp chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện, còn bị cáo là người trực tiếp thẩm định, phê duyệt, hậu quả dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 116.400.000 đồng. Do vậy không chấp nhận đề

ngợi xin hưởng án treo đối với bị cáo, mà cần phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, nhưng sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo không có mục đích trục lợi cho bản thân, không được hưởng lợi gì và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B, Nguyễn Thị C có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay tiếp tục vi phạm pháp luật. Xét thấy không cần phải áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo này mà vẫn đảm bảo được yêu cầu phòng và chống tội phạm, vẫn đảm bảo được yêu cầu giáo dục người phạm tội để họ trở thành người có ích cho xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, của bị cáo và của người bào chữa, cho các bị cáo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B và Nguyễn Thị C được hưởng án treo.

[12] Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo Nông Văn C 15.000.000 đồng. Phạt tiền các bị cáo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B và Nguyễn Thị C mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 356 Bộ luật hình sự.

[13] Đối với số tiền 116.400.000 đồng các bị cáo đã nộp mỗi người 29.100.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Kho Bạc Nhà nước V thấy rằng tại phiên tòa đại diện của Ủy ban nhân dân xã T đã có ý kiến đây là khoản tiền của chương trình mục tiêu quốc gia cấp cho dự án của xã, nhưng dự án đã kết thúc, nếu trả lại cho xã thì cũng không sử dụng được vào mục đích khác, vì vậy đề nghị nộp trả vào ngân sách Nhà nước. Xét đề nghị này của đại diện Ủy ban nhân dân xã T là phù hợp, vì vậy cần tuyên nộp ngân sách Nhà nước số tiền này.

[14] Số tiền 116.400.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị C được Ủy ban nhân dân xã T chuyển khoản, bị cáo đã nộp khắc phục vào ngân sách Nhà nước 29.100.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo đã trả cho các bị cáo khác mỗi người 29.100.000 đồng, vì các bị cáo này đã bỏ tiền của cá nhân ra trước để nộp khắc phục hậu quả. Vì vậy, không truy thu đối với bị cáo số tiền này.

[15] Đối với Nguyễn Văn S, bị cáo Nông Văn C cho rằng là người đồng ý để triển khai bổ sung dự án trồng quýt Bắc Sơn và chỉ định nhà cung ứng giống là Nguyễn Thị C, đồng thời đưa cho Nông Văn C số tiền 15.000.000 đồng. Nhưng Nguyễn Văn S chỉ thừa nhận được đồng ý cho Nông Văn C bổ sung dự án trồng cây quýt, còn các nội dung khác không có căn cứ chứng minh, do vậy không có căn để xử lý trách nhiệm hình sự.

[16] Đối với trách nhiệm của các cá nhân trong Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới huyện Văn Quan năm 2016: Theo Thông báo phân công nhiệm vụ số 23/TB-UBND thì Lương Đình B, Nguyễn Văn S, Hoàng Thị D và Nông Văn T không có trách nhiệm phải đi nghiệm thu các dự án xây dựng nông thôn mới tại thực địa nên không có cơ sở để xem xét Lương Đình B, Nguyễn Văn S, Hoàng Thị D và Nông Văn T về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

[17] Đối với Nông Văn Q, là Phó Trưởng ban Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã H, được ký vào Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 14/9/2016 và Báo cáo số 94/BC-UBND ngày 15/9/2016, nhưng bản thân Quân không được chỉ đạo cũng như không biết việc làm không hồ sơ quyết toán chương trình nông thôn mới năm 2016 nên không đủ căn cứ để xử lý. Đối với 05 trưởng thôn Hoàng Văn T, Hoàng Văn H1, Hoàng Văn H2, Phùng Văn M, Hoàng Văn Q, được Hoàng Thị H đưa danh sách để cho 29 hộ dân ký xác nhận đã nhận được cây quýt giống, không biết việc làm không hồ sơ quyết toán chương trình nông thôn mới năm 2016 của Nông Văn C, Hoàng Thị H và Hoàng Văn B nên không đủ căn cứ để xử lý.

[18] Xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77 5G vì không liên quan đến việc phạm tội.

[19] Đề nghị của Kiểm sát viên, của người bào chữa tại phiên tòa cũng phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị H, Nguyễn Thị C được miễn án phí sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí. Bị cáo Nông Văn C, Hoàng Văn B mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[21] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 38 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nông Văn C

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Hoàng Thị H

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Hoàng Văn B

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Thị C

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 1 Điều 292; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn C, Hoàng Thị H, Hoàng Văn B và Nguyễn Thị C phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

2. Hình phạt chính

- Xử phạt bị cáo Nông Văn C 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 02/02/2024 đến ngày 27/6/2024 (04 tháng 27 ngày). Thời hạn tù bị cáo Nông Văn C còn phải chấp hành là 01 (Một) năm 07 (Bảy) tháng 03 (Ba) ngày tù.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 01 năm 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm 04 tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 01 năm 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm 04 tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm, tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo Nông Văn C 15.000.000 đồng; các bị cáo Hoàng Thị H, Hoàng Văn B và Nguyễn Thị C mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị C 01 điện thoại di động cũ, đã qua sử dụng, nhãn hiệu OPPO A77 5G, màu đen, số IMEI 1: 861609041886596, số IMEI 2: 861609041886611 (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2025, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn cũ trước khi sáp nhập*).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 116.400.000 đồng, hiện nay đang được gửi giữ tại tài khoản số 7111.3.1100256 của Kho bạc Nhà nước V (trước khi sáp nhập), nay là Phòng giao dịch số 09, Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Lạng Sơn.

5. Án phí: Bị cáo Nông Văn C và Hoàng Văn B mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Hoàng Thị H, Nguyễn Văn Canh được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 3 – Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL,NV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bá Hiệp